

Số: 1109/BV-VTYT  
V/v Mời báo giá hàng hóa, trang thiết  
bị y tế phục vụ công tác chuyên môn

Phú Thọ, ngày 02 tháng 6 năm 2023

Kính gửi: Các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, cung cấp  
trang thiết bị y tế trong và ngoài tỉnh.

Căn cứ Văn bản số 2780/SYT-NVD ngày 07/10/2022 của Sở Y tế tỉnh Phú Thọ về  
việc tổ chức đấu thầu mua sắm tập trung vật tư y tế, hóa chất xét nghiệm, sinh phẩm y  
tế phục vụ công tác khám chữa bệnh năm 2023-2024;

Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Thọ đang chuẩn bị xây dựng kế hoạch mua sắm tập  
trung vật tư y tế tiêu hao, hóa chất xét nghiệm, sinh phẩm y tế cho các cơ sở y tế công  
lập trên địa bàn tỉnh Phú Thọ năm 2023 - 2024 (Đợt 2).

Để có cơ sở tham khảo giá thị trường và lựa chọn các hàng hóa, trang thiết bị y tế  
phù hợp với nhu cầu sử dụng, Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Thọ trân trọng kính mời các  
doanh nghiệp, nhà phân phối có đủ năng lực chào giá hàng hóa, trang thiết bị y tế, chi  
tiết tại danh mục hàng hóa, trang thiết bị y tế theo phụ lục 2 đính kèm văn bản này.

Yêu cầu Hồ sơ báo giá bao gồm các tài liệu sau:

1. Bản sao đăng ký kinh doanh; Tài liệu chứng minh đủ điều kiện kinh doanh trang  
thiết bị y tế theo quy định của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021.
2. Thư chào giá điền đầy đủ thông tin. (Theo mẫu Phụ lục 1 đính kèm);
3. Quyết định, thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, hợp đồng mua bán các hàng  
hóa, thiết bị y tế tương tự ở các đơn vị đã ký trong thời gian 90 ngày gần đây (nếu có);
4. Tài liệu về tính năng, thông số kỹ thuật của hàng hóa, trang thiết bị y tế;

Thông tin xin gửi về địa chỉ: Phòng Vật tư - TBYT, Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú  
Thọ; đường Nguyễn Tất Thành, phường Tân Dân, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ và  
bản mềm gửi vào địa chỉ email: pvt.muasam2022@gmail.com. Thời hạn nhận báo giá:  
đến trước 11h30 ngày 15/6/2023. Thông tin cần giải đáp xin liên hệ đồng chí Nguyễn  
Tuấn Anh (SĐT: 0868.246.688).

Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Thọ trân trọng thông báo./.

**Nơi nhận:**

- Như Kính gửi;
- Website Bệnh viện;
- Lưu: VT, TCKT, VTYT.

**GIÁM ĐỐC**

**Lê Đình Thanh Sơn**

# PHỤ LỤC 1

## BÁO GIÁ HÀNG HÓA, TRANG THIẾT BỊ Y TẾ PHỤC VỤ CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN NĂM 2023-2024 (ĐỢT 2)

Tên công ty:  
Địa chỉ:  
Số điện thoại:  
Đại diện liên hệ:

Kính gửi: Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Thọ

Công ty xin gửi tới Quý bệnh viện thông tin về giá hàng hóa phục vụ công tác chuyên môn, như sau:

STT	STT theo thư mời chào giá	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Tính năng, thông số kỹ thuật	Hãng/nước sản xuất	Phân loại (A,B,C,D)	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền (VND)	Giá kê khai	Mã kê khai giá	Đơn vị kê khai, thời hạn hiệu lực kê khai từ ngày đến ngày	Giá trúng thầu (trong vòng 90 ngày gần đây)	Số Quyết định, ngày, đơn vị ban hành QĐ	Ghi chú

Hiệu lực của báo giá: Trong vòng 120 ngày kể từ khi phát hành

....., ngày tháng 6 năm 2023  
GIÁM ĐỐC

**PHỤ LỤC 2**  
**Danh sách hàng hóa mời báo giá**

STT	Tên VTYT	Tiêu chí kỹ thuật, thể tích, hàm lượng, nồng độ (nếu có) tham khảo	Qui cách đóng gói	Đơn vị tính	Tổng lượng
1	Dây dẫn đo phân suất dự trữ lưu lượng động mạch vành	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đầu đo có khả năng đáp ứng xoắn 1:1</li> <li>- Đầu gắn được phủ PTFE, đầu xa phủ Hydrophilic</li> <li>- Tương thích với hệ thống máy siêu âm lòng mạch Ivus của hãng Boston Scientific</li> </ul>	1 cái/hộp	Cái	50
2	Bộ dụng cụ dùng trong khoan phá động mạch vành	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dùng cho hệ thống máy bào màng xơ vữa.</li> <li>- Một bộ dụng cụ bao gồm: 01 Bộ mũi khoan phủ kim cương, 01 dây lái mũi khoan phủ kim cương, 01 lọ dung dịch làm trơn mũi khoan.</li> <li>- Dây lái mũi khoan đường kính 0.014"</li> </ul>	1 bộ/hộp	Bộ	10
3	Bóng nong mạch vành loại CTO đường kính siêu nhỏ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bóng nong được đến áp lực <math>\geq 20</math> atm</li> <li>- Khẩu kính vào tổn thương <math>\leq 0.016"</math>.</li> <li>- Đường kính bóng từ 1.1mm đến 2.0mm</li> <li>- Chiều dài bóng từ 5mm đến 20mm.</li> <li>- Có marker ở giữa hoặc ở đầu gần</li> <li>- Chất liệu polyamide</li> <li>- Tương thích dây dẫn 0.014"</li> </ul>	1 cái/hộp	Cái	200
4	Bóng nong mạch vành siêu áp lực cao	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bóng nong được đến áp lực 35 atm</li> <li>- Tương thích dây dẫn 0.014"</li> </ul>	1 cái/hộp	Cái	200
5	Bộ lấy lưới lọc tĩnh mạch chủ dưới	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu thép không gỉ và không có điểm hàn.</li> <li>- Dành cho lưới lọc có lõi vào tĩnh mạch cảnh.</li> <li>- Có 3 loại hệ thống lấy lưới lọc: hệ thống tháo lưới lọc thẳng, hệ thống lấy lưới lọc cong, hệ thống lấy lưới lọc 2 trong 1.</li> <li>- Một bộ lấy lưới lọc bao gồm: 01 catheter kẹp, 01 hệ thống mở đường, 01 kim chọc dò, và 01 dây dẫn chữ J</li> </ul>	1 bộ/hộp	Bộ	30
6	Ống thông (dây đốt) laser tĩnh mạch	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đầu đốt laser điều trị tĩnh mạch giãn lớn.</li> <li>- Chiều dài dây từ 2.5m đến <math>\leq 2.6</math> m</li> <li>- Đường kính dây 600<math>\mu</math>m ; 400 <math>\mu</math>m</li> <li>- Đường kính đầu phát nhiệt <math>\geq 1.0</math>mm đến <math>\leq 1.8</math> mm</li> <li>- Chống nước, tiết trùng.</li> <li>- Đầu đốt phát xạ năng lượng tỏa tròn</li> <li>- Tương thích với introducers 6F</li> </ul>	1 cái/ túi	Cái	150

STT	Tên VTYT	Tiêu chí kỹ thuật, thể tích, hàm lượng, nồng độ (nếu có) tham khảo	Qui cách đóng gói	Đơn vị tính	Tổng lượng
		- Vòng laser tỏa tròn 360 độ, có góc phát tia laser lệch 60 độ so với đầu kim.			
7	Khung giá đỡ động mạch vành có màng bọc	- Stent hợp kim CoCr phủ một lớp màng bọc ePTFE - Đường kính: từ 2.5 đến 5.0 mm - Chiều dài: từ 8mm đến $\geq 24$ mm - Catheter khả dụng: 143 cm, 153 cm - Sheath tương thích: 5F, 6F, 7F - Tương thích với dây dẫn 0.014"	1 cái/hộp	Cái	6
8	Hệ thống tạo nhịp bó HIS kèm phụ kiện tiêu chuẩn	Điện cực tạo nhịp bó HIS có điện cực xoắn cố định. Kích thước dây nhỏ 4.1F. Cho phép chụp cộng hưởng từ toàn thân 1.5 và 3T	1 bộ/hộp	Bộ	30
9	Vật liệu nút mạch sử dụng trong can thiệp nút u gan	Dầu tắc mạch sử dụng trong can thiệp TOCE hoặc tắc mạch máu với keo sinh học (tắc nhánh mạch bàng hệ, tắc mạch cầm máu, tắc mạch di dạng mạch, tắc lỗ rò mạch máu hoặc bạch mạch)	10 ống/hộp	Ống	140
10	Bộ dẫn lưu đa chức năng có khóa	- Bộ dẫn lưu đa chức năng có khóa luer-lock - Kích cỡ: từ $\leq 6F$ đến $\geq 16F$ . - Chiều dài: từ $\leq 25$ đến $\geq 40$ cm	Bộ/ Gói	Bộ	100
11	Kim đốt sóng cao tần đầu đốt cố định	- Điện cực có hệ thống dẫn chất làm lạnh bên trong - Thiết kế có tay cầm. - Các cỡ từ: $\leq 15G$ đến $\geq 19G$ - Chiều dài kim từ $\leq 10$ cm đến $\geq 20$ cm - Chiều dài đầu phát nhiệt từ $\leq 5$ mm đến $\geq 30$ mm.	1 cái/hộp	Cái	100
12	Kim đốt sóng cao tần thay đổi chiều dài đầu hoạt động	- Kim có nhiều kích thước và độ dài và đầu phát nhiệt khác nhau - Đường kính kim: từ $\leq 15G$ đến $\geq 18G$ - Chiều dài từ 10cm đến $\geq 35$ cm. - Đầu phát nhiệt có thể điều chỉnh được - Có thể thay đổi độ dài trên cùng một kim	1 cái/hộp	Cái	40
13	Kim đốt sóng cao tần chùm 3 kim	- Loại điện cực chùm 03 kim (Octopus Electrode) - Có thể tách rời 2 đầu hoặc 3 đầu tua - Độ dày kim $\geq 15G$ - Chiều dài kim $\geq 15$ cm - Chiều dài đầu phát nhiệt $\geq 25$ mm	1 cái/hộp	Cái	20
14	Kim đốt sóng cao tần, loại kim đơn	- Kim đốt sóng cao tần đơn cực gồm 01 kim riêng biệt.	1 cái/hộp	Cái	120

STT	Tên VTYT	Tiêu chí kỹ thuật, thể tích, hàm lượng, nồng độ (nếu có) tham khảo	Qui cách đóng gói	Đơn vị tính	Tổng lượng
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đường kính kim: <math>\geq 17G</math></li> <li>- Chiều dài kim từ 14.4 cm đến <math>\geq 20</math> cm</li> <li>- Chiều dài đoạn đầu đốt từ 0.7cm đến <math>\geq 3</math>cm</li> <li>- Tương thích với máy Cooltip E Series</li> </ul>			
15	Que luồn dưới da	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu thép không gỉ.</li> <li>- Chiều dài từ 38cm đến 60cm.</li> <li>- Dùng cho trẻ em và người lớn</li> <li>- Dùng hỗ trợ luồn Catheter xuống bụng trong mổ đặt dẫn lưu não thất-ổ bụng.</li> </ul>	1 cái/hộp	Cái	40
16	Mạch máu nhân tạo tráng bạc chữ Y các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mạch máu nhân tạo tráng bạc kháng khuẩn loại chia đôi hình chữ Y.</li> <li>- Chiều dài 40cm (<math>\pm 10</math>cm)</li> </ul>	1 cái/hộp	Cái	20
17	Mạch máu nhân tạo tráng bạc thẳng các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mạch máu nhân tạo tráng bạc kháng khuẩn</li> <li>- Đường kính từ <math>\leq 6</math>mm đến <math>\geq 8</math>mm</li> <li>- Kích cỡ: Dài 60cm (<math>\pm 10</math>cm)</li> </ul>	1 cái/hộp	Cái	20
18	Mạch máu nhân tạo thẳng loại dẹt kim, cấu trúc nhung đôi các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mạch máu nhân tạo thẳng loại dẹt kim.</li> <li>- Cấu trúc nhung đôi.</li> <li>- Được tẩm gelatin hoặc collagen.</li> <li>- Độ xốp tốt</li> <li>- Công nghệ tẩm không aldehyde, tương thích sinh học.</li> <li>- Đường kính từ <math>\leq 26</math>mm đến <math>\geq 30</math>mm.</li> <li>- Chiều dài 30cm (<math>\pm 10</math>cm)</li> </ul>	1 cái/hộp	Cái	20
19	Phôi nhân tạo tích hợp phin lọc động mạch có phủ chất tương thích sinh học PHISIO kèm dây dẫn	<p>Phôi nhân tạo tích hợp phin lọc động mạch cho người lớn:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có phủ chất tương thích sinh học PHISIO hoặc Phosphorylcholine gốc Lipid.</li> </ul> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Thể tích dịch mỗi: từ <math>\leq 284</math>ml đến <math>\geq 351</math>ml.</li> <li>2. Diện tích màng lọc: từ <math>\leq 1.4</math>m<sup>2</sup> đến <math>\geq 1.75</math>m<sup>2</sup>.</li> <li>3. Lưu lượng máu tối đa: từ <math>\leq 6000</math>ml/phút đến <math>\geq 8000</math>ml/phút.</li> <li>4. Thể tích bình chứa: <math>\geq 4500</math>ml.</li> <li>5. Thể tích bình chứa tối thiểu để hoạt động: <math>\geq 150</math>ml</li> <li>6. Kích cỡ phin lọc động mạch: <math>\geq 38\mu</math></li> <li>7. Diện tích màng phin lọc: từ <math>\leq 68</math>cm<sup>2</sup> đến <math>\geq 97</math>cm<sup>2</sup></li> </ol> <p>Bộ dây được bao gồm các đoạn dây</p>	1 bộ/hộp	Bộ	140

STT	Tên VTYT	Tiêu chí kỹ thuật, thể tích, hàm lượng, nồng độ (nếu có) tham khảo	Qui cách đóng gói	Đơn vị tính	Tổng lượng
		PVC, Silicone, cắt nối phù hợp với các hạng cân			
20	Phôi nhân tạo kèm dây dẫn cho trẻ nhỏ	<p>Phôi nhân tạo kèm dây dẫn cho trẻ nhỏ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lưu lượng máu tối đa: từ <math>\leq 800\text{ml/phút}</math> đến <math>\geq 2300\text{ml/phút}</math>.</li> <li>- Diện tích bề mặt màng: từ <math>\leq 0.34\text{m}^2</math> đến <math>\geq 0.64\text{m}^2</math>.</li> <li>- Diện tích bề mặt trao đổi nhiệt: <math>\geq 0.02\text{m}^2</math>.</li> <li>- Thể tích bình chứa tĩnh mạch: từ <math>\leq 675\text{ml}</math> đến <math>\geq 1800\text{ml}</math>.</li> <li>- Thể tích dịch môi (oxygenator + bộ trao đổi nhiệt): từ <math>\leq 60\text{ml}</math> đến <math>\geq 105\text{ml}</math>.</li> </ul> <p>Bộ dây được bao gồm các đoạn dây PVC, Silicone, cắt nối phù hợp với các hạng cân.</p>	1 bộ/ hộp	Bộ	10
21	Bộ phôi nhân tạo tích hợp phin lọc động mạch và bể khí bao gồm cả bộ dây dẫn cho tim phôi nhân tạo các hạng cân trên 40Kg	<p>Bộ phôi nhân tạo người lớn có tích hợp phin lọc động mạch sử dụng công nghệ mật độ bó sợi từng phần</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất phủ bề mặt sinh học Balance hoặc Phosphorylcholine gốc Lipid.</li> <li>- Loại màng: Microporous polypropylene sợi rỗng.</li> <li>- Diện tích bề mặt lớp màng: từ <math>\leq 1.65\text{m}^2</math> đến <math>\geq 2.5\text{m}^2</math>.</li> <li>- Có màng lọc bên trong với kích thước lỗ lọc: từ <math>\leq 25\mu\text{m}</math> đến <math>\geq 38\mu\text{m}</math>.</li> <li>- Thể tích môi: từ <math>\leq 225\text{ml}</math> đến <math>\geq 260\text{ml}</math>.</li> <li>- Dung tích bình chứa: <math>\geq 4500\text{ml}</math>.</li> </ul> <p>Đi kèm bộ dây dẫn tim phôi nhân tạo, chất liệu PVC hoặc silicone.</p>	1 bộ/ hộp	Bộ	140
22	Phôi nhân tạo dùng cho trẻ em hạng cân 10-20kg kèm dây dẫn	<p>Hệ thống phôi nhân tạo dùng cho trẻ em.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu màng: Microporous Polypropylene hollow fiber hoặc tương đương.</li> <li>- Diện tích bề mặt màng: từ <math>\leq 0,67\text{m}^2</math> đến <math>\geq 0.84\text{m}^2</math></li> <li>- Thể tích môi: từ <math>\leq 48\text{ml}</math> đến <math>\geq 99\text{ml}</math></li> <li>- Bề mặt được phủ: Balance Bio Surface hoặc Phosphorylcholine nhóm lipid</li> <li>- Thể tích bình chứa: từ <math>\leq 1200\text{ml}</math> đến <math>\geq 2500\text{ml}</math></li> <li>- Màng lọc đường vào tĩnh mạch: <math>\geq 64\mu\text{m}</math>.</li> </ul>	1 bộ/ hộp	Bộ	10

STT	Tên VTYT	Tiêu chí kỹ thuật, thể tích, hàm lượng, nồng độ (nếu có) tham khảo	Qui cách đóng gói	Đơn vị tính	Tổng lượng
23	Dụng cụ bảo vệ mạch ngoại vi phòng tắc mạch hạ lưu các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đường kính lưới lọc: từ <math>\leq 3\text{mm}</math> đến <math>\geq 7\text{mm}</math>.</li> <li>- Chiều dài sử dụng: từ <math>\leq 139\text{cm}</math> đến <math>\geq 190\text{cm}</math>.</li> <li>- Tương thích với dây dẫn: <math>\geq 0.014"</math>.</li> <li>- Chất liệu lưới lọc: Nitinol</li> <li>- Có kỹ thuật đan Full-Wall hoặc không.</li> <li>- Có marker đánh dấu đầu gần và đầu xa.</li> </ul>	1 cái/hộp	Cái	55
24	Bóng nong ngoại biên phủ thuốc	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phủ thuốc paclitaxel</li> <li>- Nồng độ thuốc <math>\geq 3 \mu\text{g}/\text{mm}^2</math></li> <li>- Tương thích với cả 2 loại dây dẫn 0.014", 0.018"</li> <li>- Áp lực thường: <math>\geq 6 \text{ atm}</math></li> <li>- Áp lực vỡ bóng trung bình <math>\geq 19 \text{ atm}</math></li> <li>- Đường kính bóng : <math>\leq 2.0\text{mm}</math> đến <math>\geq 7.0\text{mm}</math></li> <li>- Chiều dài bóng : 20mm đến <math>\geq 150\text{mm}</math></li> </ul>	1 cái /hộp	Cái	300
25	Hạt vi cầu nút mạch các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hạt vi cầu không tải thuốc, đồng trục</li> <li>- Chất liệu Polyvinyl Alcohol hoặc Hydrogel</li> <li>- Kích thước hạt từ <math>\leq 70\mu\text{m}</math> đến <math>\geq 1200\mu\text{m}</math>.</li> </ul>	1 Lọ/Hộp	Lọ	160
26	Bộ dụng cụ hút huyết khối mạch vành các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Gồm các cỡ: 6F-7F,</li> <li>- Có đủ 2 loại: loại có lõi dây dẫn (core wire) và loại không có lõi dây dẫn.</li> <li>- Phụ kiện đi kèm gồm: 1 ống nối dài, 2 xy lanh 30ml, 2 bộ lọc tế bào.</li> <li>- Chiều dài ống luồn dây dẫn 120mm</li> <li>- Phủ ái nước 20cm hoặc 30cm</li> <li>- Chiều dài ống thông 140cm.</li> <li>- Tương thích với ống thông có ID tối thiểu 0.070"</li> <li>- Tương thích dây dẫn 0.014"</li> </ul>	1 bộ/hộp	Bộ	40
27	Stent ngoại biên phủ thuốc	Stent ngoại biên phủ thuốc sirolimus hoặc paclitaxel .	1 cái/hộp	Cái	40
28	Dụng cụ mở đường vào mạch quay	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ dụng cụ tối thiểu bao gồm: 01 dụng cụ mở đường, 01 que nong, 01 kim chọc, 01 dây dẫn</li> <li>- Đường kính <math>\leq 0.025"</math></li> <li>- Chất liệu: polyethylene hoặc polypropylene hoặc ETPE hoặc tương đương</li> <li>- Có tối thiểu các kích cỡ: 5F; 6F</li> <li>- Dài từ <math>\geq 7\text{cm}</math></li> </ul>	5 cái/hộp	Cái	1400

STT	Tên VTYT	Tiêu chí kỹ thuật, thể tích, hàm lượng, nồng độ (nếu có) tham khảo	Qui cách đóng gói	Đơn vị tính	Tổng lượng
29	Nẹp xương lòng máng	Nẹp xương hình lòng máng, có từ 4 đến 8 lỗ và chiều dài tối thiểu từ 54 mm đến 97 mm. Lỗ vít đường kính 3,5 mm. Chất liệu thép không gỉ.	1 cái/ 1 gói	Cái	567
30	Vít xương cứng 4.5 mm	Đường kính thân vít tính cả ren 4.5mm, đầu mũ bắt tuốc nơ vít hình lục giác. Đường kính lõi vít 3 mm, đường kính mũ vít 8mm, dài tối thiểu từ 20 mm đến 80mm Chất liệu thép không gỉ.	1 cái/1 gói	Cái	6847
31	Vít xương cứng 2.0 mm	- Đường kính vít 2.0 mm - Chiều dài từ 6 mm đến 13 mm, các cỡ - Loại vít xương cứng tự khoan, tự taro - Chất liệu Titanium	Cái/Túi	Cái	4000
32	Khung cố định ngoài cẳng chân	Khung cố định ngoài cẳng chân, gồm: 4 vòng nhôm, 3 thanh ren đường kính 6mm dài 330mm, 16 Fixateur, 40 đai ốc thép không rỉ. Vòng nhôm có tính cân quang. Bộ cố định ngoài cẳng chân Ilizarov gồm 1 khung và 8 đinh Kirschner tròn có đường kính 1.8 -2.0mm, chiều dài 300mm và không bao gồm trụ cụ. Chất liệu thép không gỉ	1 Bộ/Gói	Bộ	308
33	Khung cố định ngoài chữ T	Khung gồm 2 thanh thẳng có ren suốt dài 330 mm, đường kính 8 mm, 2 thanh ngang dài 180 mm, đường kính 6 mm. Có các khối chữ nhật di động trên các thanh dùng để cố định đinh vào các thanh. Bộ phận kết nối gồm hai khối chữ nhật dùng để kết nối phần ngang vào phần đứng vuông góc với nhau. 12 khối hình nhật 10mm x 10mm x 18mm, có hai lỗ 6mm. Ốc vít tương thích. 6 đinh schanz có ren, đoạn có ren dài 25mm hoặc 36mm, chiều dài cả đinh từ 60mm đến 320mm. Chất liệu thép không gỉ.	1 Bộ/Gói	Bộ	50
34	Khung cố định ngoài gần khớp	Gồm 1 thanh cong nửa vòng đường kính 8mm, 1 thanh thẳng 8x300mm, 1 thanh răng 6x230-250mm, 12 khối chữ nhật, 25 bu lông, 4 đai ốc thép không rỉ, 6 đinh Schanz. Chất liệu thép không gỉ	1 Bộ/Gói	Bộ	314



STT	Tên VTYT	Tiêu chí kỹ thuật, thể tích, hàm lượng, nồng độ (nếu có) tham khảo	Qui cách đóng gói	Đơn vị tính	Tổng lượng
35	Bộ cố định ngoài qua gói	Gồm 2 thanh ren đường kính 8mm dài 650mm, 12 khối chữ nhật, 24 đai ốc, 12 bulông thép không rỉ, 6 đinh Schanz 5.0mm.	1 Bộ/Gói	Bộ	40
36	Lưỡi bào khớp đồng tiết trùng các cỡ	- Sử dụng cắt bỏ mô mềm, gốc dây chằng, màng hoạt dịch, sụn chêm. - Chiều dài làm việc 13cm, đường kính 3,5mm đến 5,5mm.	1 cái/1 gói	Cái	460
37	Vít treo mảnh ghép dây chằng điều chỉnh độ dài sử dụng trên xương đùi	Vít treo mảnh ghép dây chằng điều chỉnh độ dài sử dụng trên xương đùi, sử dụng trong kỹ thuật phẫu thuật nội soi khớp	1 cái/1 gói	Cái	240
38	Vít treo mảnh ghép dây chằng điều chỉnh độ dài sử dụng trên xương chày	Vít treo mảnh ghép dây chằng điều chỉnh độ dài sử dụng trên xương chày, sử dụng trong kỹ thuật phẫu thuật nội soi khớp.	1 cái/1 gói	Cái	240
39	Mũi khoan xương các cỡ	Mũi khoan đường hầm có mấu lật ở đầu. Đầu mũi khoan có chỉ dấu cho biết khoảng trống an toàn trước khi kích hoạt chế độ khoan ngược. - Có 2 chức năng: + Chức năng khoan dẫn đường với chế độ khoan nội tuyến. + Chức năng khoan đường hầm với chế độ khoan ngược. - Kích thước: + Chiều dài trục: 23,5 cm ± 0,5 + Đường kính đầu mũi khoan: 3,5mm ± 0,5 + Đường kính khoan đường hầm: 6 mm đến 13mm	1 cái/1 gói	Cái	190
40	Dây dẫn nước vào khớp trong nội soi chạy bằng máy	Dây dẫn nước vào khớp trong phẫu thuật nội soi khớp chạy bằng máy. Tiết trùng	1 Cái/Hộp	Cái	360
41	Lưỡi bào mài xương, các cỡ	Lưỡi bào mài xương, chiều dài làm việc 13cm, có các loại răng cắt khác nhau. Đóng gói tiết trùng	1 cái/1 gói	Cái	190
42	Đầu đốt bằng sóng Radio frequency cầm máu, điều trị viêm gân (dao radio)	- Lưỡi cắt đốt bằng sóng radio - Đầu đốt có chức năng phát hiện các đối tượng có trở kháng thấp như ống soi: Đầu đốt sẽ tự động dừng cho đến khi cách ống soi một khoảng cách an toàn.	1 cái/1 gói	Cái	360
43	Vít treo cố định mảnh ghép gân, các cỡ	- Vật liệu titanium. - Kích thước neo: đường kính 4,5 mm, dài ≥ 13,5mm.	1 cái/ gói	Cái	240
44	Vít neo cố định chỉ khâu chóp xoay	- Vật liệu: PEEK. Kích thước: Đường kính 4,5mm, chiều dài neo ≥	1 cái/ túi	Cái	180

STT	Tên VTYT	Tiêu chí kỹ thuật, thể tích, hàm lượng, nồng độ (nếu có) tham khảo	Qui cách đóng gói	Đơn vị tính	Tổng lượng
		11mm - Là neo không cần thắt chỉ. Chỉ được khóa bên trong neo - Chỉ được khóa vào giữa 2 bộ phận trượt, tách biệt với bề mặt xương-neo, cánh neo được bung ra để cố định chắc chắn. - Có khả năng thay đổi lực căng tác động lên mô mềm ngay khi neo được đưa vào, nhằm giảm thiểu nguy cơ ảnh hưởng đến nguồn nuôi mạch máu, giúp vết thương nhanh lành hơn			
45	Chỉ siêu bền không tiêu	- Là chỉ siêu bền, chất liệu UHMW - Polyethylene. Chỉ được bền và không tiêu, được chỉ định cho khâu mô mềm trong phẫu thuật chấn thương chỉnh hình.	1 sợi/ 1 gói	Sợi	280
46	Vít chỉ neo hoàn toàn bằng chỉ cố định chớp xoay	- Vít chỉ neo hoàn toàn bằng chỉ cố định chớp xoay, kích thước: Đầu neo có đường kính 2,8mm ± 0,5, neo được mở rộng tới 5,0mm ± 0,5, kèm 2 sợi chỉ siêu bền số 2. Kích thước neo nhỏ giúp loại bỏ ít xương hơn. Cấu trúc hoàn toàn bằng chỉ giảm thiểu xâm lấn.	1 cái/ 1 gói	Cái	160
47	Vít chỉ NEO khâu sụn viền	- Vít chỉ neo khâu sụn viền, vật liệu: Hoàn toàn bằng chỉ siêu bền. - Kích thước: Đầu neo 1,3mm ± 0,2 với 1 chỉ siêu bền số 2 và đầu neo 1,8mm ± 0,2 với 2 chỉ siêu bền số 2.	1 cái/ 1 gói	Cái	160
48	Vít cố định dây chằng chéo tự tiêu các cỡ	- Vít cố định dây chằng chéo tự tiêu, các cỡ, làm bằng vật liệu tự tiêu.	1 cái/ gói	Cái	230
49	Vít đa trục cột sống cổ lõi sau	- Vật liệu hợp kim Titanium - Đường kính vít 3,5 mm, 4,0 mm, 4,5 mm - Chiều dài vít từ 10 mm đến 52 mm - Tương thích với hệ thống rod 3,2 mm và 3,5mm	1 cái/1 gói	Cái	400
50	Vít ốc khoá trong cho vít cổ sau	Vật liệu: Titanium hoặc Hợp kim Titanium - Đường kính: ≥ 5,92mm - Chiều cao ≥ 3,2mm Dùng trong kỹ thuật phẫu thuật cột sống cổ lõi sau, tương thích với vít đa trục cột sống cổ lõi sau	1 cái/1 gói	Cái	400
51	Nẹp dọc cổ sau	- Vật liệu: Titanium, tương thích với vít đa trục cột sống cổ lõi sau - Chiều dài 240mm - Đường kính: ≥ 3,2mm.	1 cái/1 gói	Cái	50

STT	Tên VTYT	Tiêu chí kỹ thuật, thể tích, hàm lượng, nồng độ (nếu có) tham khảo	Qui cách đóng gói	Đơn vị tính	Tổng lượng
52	Nẹp dọc cổ chẩm uốn sẵn	- Vật liệu: Titanium, tương thích với vít đa trục cột sống cổ lồi sau - Đường kính $\geq 3,2\text{mm}$ - Có tối thiểu 2 kích thước $\geq 100\text{mm}$ , $\geq 200\text{mm}$ - Thiết kế uốn sẵn tại vùng chẩm	1 cái/1 gói	Cái	20
53	Vít chẩm	- Vật liệu: hợp kim Titanium, dùng cho phẫu thuật cột sống cổ lồi sau - Đường kính: 4,5 mm - Chiều dài vít từ 6-18mm - Vít ren xương cứng.	1 cái/1 gói	Cái	200
54	Nẹp cổ lồi trước 1 tầng	- Cố định cột sống cổ lồi trước 1 tầng - Vật liệu: Hợp kim Titanium - Dài từ 20 mm đến khoảng 30 mm. - Có lỗ rộng để quan sát miếng ghép/xương ghép. - Chiều dày nẹp (A-P): $\geq 2,0$ mm - Chiều rộng: $\geq 17,0$ mm - Lỗ nẹp đường kính 4,0mm và 4,5mm	1 cái/ 1 gói	Cái	90
55	Nẹp cổ lồi trước 2 tầng	- Cố định cột sống cổ lồi trước 2 tầng - Vật liệu: Hợp kim Titanium - Dài từ 38 mm đến khoảng 47,5 mm. - Có lỗ rộng để quan sát miếng ghép/xương ghép. - Chiều dày nẹp (A-P): $\geq 2,0$ mm - Chiều rộng: $\geq 17,0$ mm - Lỗ nẹp đường kính 4,0mm và 4,5mm	1 cái/ 1 gói	Cái	40
56	Nẹp cổ lồi trước 3 tầng	- Cố định cột sống cổ lồi trước 3 tầng - Vật liệu: Hợp kim Titanium - Dài từ 50 mm đến khoảng 67,5 mm. - Có lỗ rộng để quan sát miếng ghép/xương ghép. - Chiều dày nẹp (A-P): $\geq 2,0$ mm - Chiều rộng: $\geq 17,0$ mm - Lỗ nẹp đường kính 4,0mm và 4,5mm	1 cái/ 1 gói	Cái	30
57	Vít cột sống cổ lồi trước	- Vật liệu: Hợp kim Titanium - Đường kính: 4,0 mm, 4,5mm - Vít đường kính 4,0 mm; 4,5 mm - Chiều dài từ 11mm-17mm - Dùng trong kỹ thuật phẫu thuật cột sống cổ lồi trước	1 cái/ 1 gói	Cái	600
58	Vít đa trục ren đôi, các cỡ	Chất liệu bằng titanium. Bước ren trên thân vít được thiết kế theo công nghệ bước ren đôi. Đường kính các cỡ từ 5,5 mm đến	1 cái/túi	Cái	800

STT	Tên VTYT	Tiêu chí kỹ thuật, thể tích, hàm lượng, nồng độ (nếu có) tham khảo	Qui cách đóng gói	Đơn vị tính	Tổng lượng
		7,0 mm Chiều dài thân vít từ 20 mm-60mm			
59	Vít ốc khóa trong cho vít đa trục	Vít (Ốc) khóa trong bằng chất liệu hợp kim titanium dùng cho vít đa trục ren đôi.	1 cái/túi	Cái	800
60	Nẹp dọc thẳng cột sống	Nẹp dọc đường kính 5,5 mm đồng bộ vít đa trục, chất liệu hợp kim titanium, dài 110 mm - 200 mm.	1 cái/túi	Cái	240
61	Nẹp ngang các cỡ	Nẹp nối ngang kéo dài dùng trong phẫu thuật cột sống. Các cỡ. Chất liệu titanium	1 cái/túi	Cái	60
62	Nẹp mắt xích	Nẹp mắt xích có từ 5 - 22 lỗ, lỗ vít đường kính 3,5 mm, 4,0 mm. Các cỡ. Chất liệu thép không gỉ.	1 cái/ 1 gói	Cái	747
63	Nẹp khóa đầu trên xương đùi	Nẹp khóa đầu trên xương đùi, đầu nẹp có 2 lỗ bắt vít khóa đường kính 7.5 mm, cổ nẹp có 01 lỗ bắt vít khóa đường kính 5,0 mm hoặc 6,5mm, thân nẹp có từ 2 đến 16 lỗ sử dụng vít khóa đường kính 4,5mm. Chất liệu thép không gỉ	1 cái/1 gói	Cái	124
64	Nẹp khóa đầu dưới xương đùi	Nẹp khóa đầu dưới xương đùi có 7 lỗ ở đầu nẹp bắt vít đường kính 5,0mm hoặc 6,5mm, dọc thân nẹp có từ 4 đến 14 lỗ. Sử dụng vít khóa đường kính 4,5mm và 5,0mm, Chất liệu thép không gỉ.	1 cái/1 gói	Cái	134
65	Nẹp khóa bản hẹp	Nẹp khóa bản hẹp có từ 4 đến 24 lỗ, lỗ vít khóa đường kính 4,5mm và 5,0mm. Chất liệu thép không gỉ	1 cái/ 1 gói	Cái	205
66	Nẹp khóa đầu dưới cánh tay	Nẹp khóa đầu dưới xương cánh tay, thân nẹp có từ 3 đến 14 lỗ, lỗ bắt vít khóa đường kính 3,5 mm, đầu xa có 03 lỗ bắt vít khóa, giữa thân nẹp có một lỗ bắt vít động. Chất liệu thép không gỉ	1 cái/1 gói	Cái	124
67	Nẹp khóa mắt xích, các cỡ	Nẹp có từ 2 đến 22 lỗ, lỗ bắt vít khóa đường kính 3,5mm. Các cỡ. Chất liệu thép không gỉ.	1 Cái/ gói	Cái	285
68	Vít khóa 4,5 mm; 5.0 mm các cỡ	Vít khóa đường kính thân vít 4,5mm; 5,0mm. Các cỡ. Cổ mũ vít có ren. Chất liệu thép không gỉ.	10 cái/vi	cái	580
69	Vít khóa 6.5 mm các cỡ	Vít khóa đường kính thân vít 6,5 mm. Các cỡ. Cổ mũ vít có ren. Chất liệu thép không gỉ.	10 cái/1 gói	cái	380
70	Vít khóa rộng nòng 7.5 mm, các cỡ	Vít khóa rộng nòng. Đường kính thân vít 7,5 mm. Các cỡ. Cổ mũ vít có ren. Chất liệu thép không gỉ	10 cái/vi	cái	45

STT	Tên VTYT	Tiêu chí kỹ thuật, thể tích, hàm lượng, nồng độ (nếu có) tham khảo	Qui cách đóng gói	Đơn vị tính	Tổng lượng
71	Vít xương cứng 3.5 mm	Vít xương cứng đường kính thân vít có ren 3,5 mm. Chất liệu thép không gỉ.	10 cái/1 vỉ	Cái	13152
72	Vít xương xóp 4.0 mm	Vít xương xóp đường kính thân vít có ren 4,0 mm. Chất liệu thép không gỉ.	10 cái/1 vỉ	Cái	1470
73	Vít xương xóp 6.5mm	Vít xương xóp đường kính thân vít có ren 6,5 mm. Chất liệu thép không gỉ.	10 cái/vỉ	Cái	1220
74	Nẹp khóa bản nhỏ	Nẹp có từ 6 đến 16 lỗ, lỗ vít khóa đường kính 3,5mm. Chất liệu thép không gỉ	1 cái/ 1 gói	Cái	575
75	Nẹp khóa đầu trên xương cánh tay	Nẹp khóa đầu trên xương cánh tay (loại lớn), lỗ vít khóa đường kính 3,5mm, thân nẹp có từ 2 đến 11 lỗ, đầu nẹp có lỗ bắt vít. Loại nẹp (nhỏ): Đầu nẹp chỉ có lỗ bắt vít, thân có từ 4 đến 6 lỗ. Chất liệu thép không gỉ	1 cái/ 1 gói	Cái	250
76	Nẹp khóa đầu dưới xương chày	Nẹp khóa đầu dưới xương chày có từ 4 đến 14 lỗ, cổ nẹp có 01 lỗ bắt vít động, Lỗ vít khóa đường kính 3,5mm. Chất liệu thép không gỉ.	1 cái/ gói	Cái	291
77	Nẹp khóa xương đòn	Nẹp khóa xương đòn có móc hoặc không có móc, có từ 6 đến 8 lỗ. Lỗ vít khóa đường kính 3,5mm. Chất liệu thép không gỉ.	1 cái/1 gói	Cái	240
78	Vít khóa 2.4 mm, 2.7 mm, 3.5 mm các cỡ	Vít khóa đường kính 2,4 mm, 2,7 mm, 3,5 mm. Cổ mũ vít có ren. Chất liệu thép không gỉ.	Vỉ 10 cái	Cái	1091

**Ghi chú:** Trong trường hợp đơn vị cung cấp có hàng hóa cùng hoặc không cùng chủng loại, mục đích sử dụng vẫn có thể gửi báo giá hàng hóa của mình để bệnh viện có cơ sở xem xét, lựa chọn cho kế hoạch mua sắm phục vụ mục đích khám bệnh, chữa bệnh tại bệnh viện.